TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày: 25- 6 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương
Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Diệu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nam Long; Bà Nguyễn Thị Hòe; Bà Hoàng Thị Thoan.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Năm- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại phòng xét xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 10/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình S, sinh ngày 20/5/1983 tại tỉnh Quảng Trị; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu phố F, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị É. Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1987 (đã ly hôn); con: 01 đứa sinh năm 2011;

Tiền sự: Không; tiền án: 02 tiền án: Ngày 30/11/2018, bị Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng trị xử phạt 16 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Ngày 28/4/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 24 tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Nhân thân: Ngày 06/3/2002, bị Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 29/11/2007, bị Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 15/3/2013, bị Toà án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử phạt 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Theo lệnh trích xuất của Toà án, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Ngô Minh T1**,** sinh ngày 22/8/1989 tại tỉnh Quảng Trị; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Thôn T, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô K và bà Võ Thị C; Vợ: Nguyễn Thị Gia L1, sinh năm 1990, hiện đang sống tại xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; con: Có 02 người con, đứa lớn 08 tuổi, đứa nhỏ 06 tuổi; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Theo lệnh trích xuất của Toà án, bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Lê Ngọc V**,** sinh ngày 31/12/1999 tại tỉnh Quảng Trị; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khu phố D, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V1 và bà Đặng Thị H. Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 11/8/2023, bị Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị xử phạt 20 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, Cục C1, Bộ C2. Theo lệnh trích xuất của Toà án, bị cáo có mặt tại phiên toà.

- *Người bào chữa:*

+ Ông Trương Thanh T2- Luật sư Trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

+ Ông Bùi Công T3 – Luật sư Văn phòng L3- Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Vương Thị Hoa T4, sinh năm 2002; địa chỉ: K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị.

+ Nguyễn Văn H1, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ dân phố F, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 40 phút ngày 06/4/2023, tại Phòng trọ số 504 thuộc khu nhàtrọ của bà Bùi Thị L2 tại số A đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q bắt quả tang Ngô Minh T1 đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong túi quần bên phải T1 đang mặc trên người có 01 túi nilon bên trong chứa 13 viên nén hình tròn màu hồng. Sau đó, T1 tự nguyện giao nộp 15 viên nén hình tròn màu hồng và 03 viên nén hình tròn màu xanh. Tiến hành khám xét phòng trọ số 503 và 504, Ngô Minh T1 đã tự nguyện lấy tại vị trí ngăn kéo dưới cùng bên trái tủ bếp của Phòng trọ số 503 giao nộp một túi nilon trong suốt bên trong có 05 túi ni lon màu xanh chứa tổng cộng 935 viên nén hình tròn màu hồng và 10 viên nén hình tròn màu xanh; thu giữ 01 viên nén hình tròn màu hồng tại vị trí trên cửa sổ thông gió nhà vệ sinh, 01 cái cân

tiểu ly, 02 dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy làm bằng chai nhựa. T1 khai nhận số viên nén trên là ma túy loại hồng phiến.

Về nguồn gốc số ma túy nói trên, kết quả điều tra xác định: Vào chiều ngày 05/4/2023, Lê Ngọc V đến Phòng trọ số 504 của T1 để chơi. Khi V đến chơi có T1 và Vương Thị Hoa T4 (bạn gái của T1) đang ở trong phòng, một lúc sau T4 đi chợ. Còn lại V và T1 nảy sinh ý định sử dụng ma tuý nên V dùng số điện thoại 038552448 gọi đến số 0913024212 của Nguyễn Đình S để hỏi mua ma tuý nhưng Sáng không nghe máy. Một lúc sau, tường dùng số điện thoại 0852336658 của T1 gọi điện thì S nghe máy, T1 hỏi mua "05 bì" (khoảng 1000 viên ma tuý loại hồng phiến) thì S đồng ý bán với giá 12.500.000 đồng. Khoảng 01 giờ ngày 06/4/2023, V mượn xe mô tô Ecxiter mang biển kiểm soát 74L1-136.76 của T1 đi vào nhà của S để lấy ma tuý, sau đó T1 và Vương Thị Hoa T4 cũng thuê xe taxi đi vào tỉnh Quảng Trị. Khi Lê Ngọc V đến nơi, S đưa cho V 05 túi nilon màu xanh được quấn bên ngoài bằng nilon màu đen, bên trong chứa khoảng 1000 viên ma tuý loại hồng phiến, V đưa cho Sáng tiền mặt 12.500.000 đồng (số tiền này V cho T1 mượn để trả tiền mua ma tuý) rồi đưa số ma tuý bừa mua được đến cho T1 tại một quán tạp hoá bán đồ Thái Lan ở gần Ngã tư S, tỉnh Quảng Trị rồi quay trở lại nhà S cùng sử dụng ma tuý, còn T1 và T4 đi taxi trở về phòng trọ. Khi về đến khu nhà trọ, T1 thấy cửa Phòng trọ số 503 mở và không có ai ở nên đi vào mở túi nilon màu đen lấy 13 viên ma tuý hồng phiến cất vào túi quần, số ma tuý còn lại thì T1 cất giấu vào tủ bếp. Đối với 15 viên nén hình tròn màu hồng và 03 viên nén hình tròn màu xanh do T1 tự nguyện giao nộp trong lúc bắt quả tang, T1 khai nhận đã mua từ lâu để sử dụng và không nhớ đã mua của ai; còn 01 viên ma tuý hồng phiến thu giữ trên cửa sổ thông gió nhà vệ sinh và cái cân tiểu ly T1 khai không biết là của ai. Toàn bộ số ma tuý trên, Ngô Minh T1 cất giấu nhằm mục đích để sử dụng; quá trình thực hiện việc mua và sử dụng ma tuý, Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V đều không cho Vương Thị Hoa T4 biết.

Ngày 07/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đình S tại khu phố F, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Quá trình khám xét, Sáng tự nguyện giao nộp tổng cộng 1.204 viên nén hình tròn màu hồng và 14 viên nén hình tròn màu xanh. Về nguồn gốc số ma túy nói trên, S khai nhận: Sau khi thỏa thuận bán khoảng 1.000 viên ma túy loại hồng phiến cho Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V, khoảng 00 giờ ngày 06/4/2023, S đi một mình đến khu vực phường B, TP ., tỉnh Quảng Trị thì gặp một người tự xưng tên V2 (S không biết họ tên, lai lịch cụ thể), qua trao đổi người này đồng ý bán cho Sáng khoảng 2.400 viên ma túy loại hồng phiến với giá 20.000.000 đồng rồi bảo S đứng đợi, sau đó V2 đi đâu đó khoảng 05 phút rồi quay lại đưa cho Sáng 01 túi nilon bên trong có 12 túi nilon màu xanh chứa tổng cộng khoảng 2.400 viên ma túy loại hồng phiến. Sau đó, S đã bán khoảng 1.000 viên ma túy cho T1 và V, số còn lại Sáng cất giấu trong nhà nhằm mục đích để vừa sử dụng vừa để bán kiếm lời.

Ngày 13/04/2023, Phòng K1 Công an tỉnh Q có bản Kết luận giám định số 344/KL-KTHS, kết luận:

- 13 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong lúc bắt quả tang Ngô MinhTường là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,291 gam.

- 15 viên nén hình tròn màu hồng Ngô Minh T1 tự nguyện nộp lúc bắt quả tang là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,492 gam.

- 935 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ lúc khám xét phòng trọ số 503 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 97,39 gam.

- 01 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ tại vị trí trên cửa sổ thông gió nhà vệ sinh phòng 503 là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,091 gam

- 13 (mười) viên nén hình tròn màu xanh không phải là chất ma túy.

Ngày 13/04/2023, Phòng K1 Công an tỉnh Q có bảnKết luận giám định số 346/KL-KTHS, kết luận:

- 1.204 viên nén hình tròn màu hồng thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của Nguyễn Đình S là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng122,326 gam.

- 14 viên nén hình tròn màu xanh không phải là chất ma túy.

Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 247,Danh mục IIC, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng gồm:

1/ 2.168 viên nén hình tròn màu hồng và 27 viên nén hình tròn màu xanh.

2/ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1:861239051601443; IMEI 2: 861239051601450, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

3/ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, có số Seri 1:350391250912416, Seri 2: 350391252912414, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

4/ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, có số IMEI:355633047369383 và IMEI: 355633048369390, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

5/ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI:861312052272405 và IMEI: 861312052272413, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong máy.

6/ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXICTER, màu xanh, BKS74L1-136.76 đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong

7/ 01 (một) cân tiểu ly;

8/ Tiền ngân hàng N1: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)

9/ 02 (hai) dụng cụ tự chế để sử dụng ma túy làm bằng chai nhựa và một số túi nilon dùng để đựng ma túy.

** Những người và các tình tiết có liên quan đến vụ án:*

- Đối với Vương Thị Hoa T4 là người ở cùng phòng trọ 504 với Ngô Minh T1, kết quả điều tra xác định T4 không biết hành vi phạm tội của Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V, do đó không có căn cứ để xử lý hình sự.

- Đối với người tên V2 ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, theo lời khai của Nguyễn Đình S là người đã bán ma túy cho S, nhưng S không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở điều tra làm rõ.

- Đối với 01 (một) viên ma túy hồng phiến thu giữ tại vị trí trên cửa sổ thông gió nhà vệ sinh trong lúc khám xét phòng trọ số 503, Ngô Minh T1 không biết rõ nguồn gốc; chủ phòng trọ xác nhận từ đầu năm 2023, phòng trọ số 503 không có người thuê và không nhớ được những khách đã thuê trước đó. Kết luận giám định 01 viên nén nói trên là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,091 gam, chưa đủ khối lượng để tiến hành khởi tố và tách hồ sơ vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 216/CTr-VKS-P1 ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đình S về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251; bị cáo Ngô Minh T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 và bị cáo Lê Ngọc V về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình S, Ngô Minh T1, Lê Ngọc V khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị tuyên bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và tuyên hai bị cáo Ngô Minh T1, Lê Ngọc V phạm tội Tang trữ trái phép chất ma túy. Về hình phạt, đối với bị cáo Nguyễn Đình S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 20 năm tù; Đối với bị cáo Ngô Minh T1, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; các điểm s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù; đối với bị cáo Lê Ngọc V, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 13 đến 14 năm tù.

Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật;

Người bào chữa ông Trương Thanh T2 bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc V và ông Bùi Công T3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình S áng nhất trí tội danh như Viện kiểm sát truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm hoà nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, Bị cáo Nguyễn Đình S khai nhận đã mua ma túy của một người tên V2 (không quen biết), bán lại cho Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V 1.000 viên ma túy, còn lại Sáng cất giữ để sử dụng và bán lại cho người khác kiếm lời. Bị cáo Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V khai nhận có mua ma túy của Nguyễn Đình S về để sử dụng. Ngoài ra trước đó Ngô Minh T1 có mua 15 viên ma túy của một người không quen biết, khi đưa ra sử dụng thì bị bắt quả tang và bị thu giữa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết Nguyễn Đình S đã có hành vi bán 948 viên ma tuý loại Methamphetamine, có khối lượng 98,681 gam cho Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V với số tiền 12.500.000 đồng và cất giấu 1.204 viên ma tuý loại Methamphetamine, có khối lượng 122,326 gam nhằm mục đích để vừa sử dụng vừa bán cho người khác để kiếm lời. Tổng số ma tuý mà Nguyễn Đình S đã mua bán trái phép là 2.152 viên ma tuý loại Methamphetamine, có tổng khối lượng là 221,007 gam.

Ngô Minh T1 đã có hành vi cùng với Lê Ngọc V mua 948 viên ma tuý loại Methamphetamine, có khối lượng 98,681 gam từ Nguyễn Đình S để sử dụng. Ngoài ra Ngô Minh T1 còn cất giấu 15 viên ma tuý loại Methamphetamine, có khối lượng là 1,492 gam nhằm mục đích để sử dụng; tổng số ma tuý mà Ngô Minh T1 đã tàng trữ là 963 viên ma tuý loại Methamphetamine, có khối lượng 100,173 gam; Lê Ngọc V tàng trữ 98,681 gam Methamphetamine. Hành vi của Nguyễn Đình S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; hành vi của Ngô Minh T1 đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự; hành vi của Lê Ngọc V đã phạm vào tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 216/CTr-VKS-P1 ngày 09/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố các bị cáo Nguyễn Đình S1, Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V theo điều luật, khung hình phạt đã viện dẫn ở trên là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý, làm ảnh hưởng đến sự an toàn của xã hội. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và hậu quả của tội phạm gây ra.

Trong vụ án này, Nguyễn Đình S thực hiện hành vi phạm tội khi đang có hai tiền án nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn

khai báo ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Minh T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo được Bộ trưởng Bộ C2 tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác cứu nạn, cứu hộ; ông nội của bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 và bà nội được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng Điều 54 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo bị xét xử.

Bị cáo Lê Ngọc V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.., cần xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3]. Về biện pháp Tư pháp:

+ Đối với số ma tuý đã thu giữ được trong vụ án, đây là những chất cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu huỷ.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXICTER, màu xanh, mang biển kiểm soát 74L1-136.76 của Ngô Minh T1 cho Lê Ngọc V mượn đi vào Quảng Trị. V dùng xe đi mua ma túy về để sử dụng. Cả V và T1 đều bị xét xử về hành vi tàng trữ chất ma túy nên xe mô tô nói trên không phải là công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho chủ sở hữu là Ngô Minh T1.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1: 861239051601443; IMEI 2: 861239051601450, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1: 861312052272405; IMEI2: 861312052272413, máy đã qua sử dụng; 01(một) máy điện thoại di động hiệu NOKIA, có số Seri1: 350391250912416, Seri2: 350391252912414, máy đã qua sử dụng, các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để mua bán ma túy nên cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Masstel, có số IMEI1: 355633047369383; IMEI2: 355633048369390, thu giữ của Nguyễn Đình S, theo lời khai của bị cáo S, điện thoại dùng để liên lạc hằng ngày, không dùng để mua, bán ma tuý và trong quá trình điều tra không phát hiện hành vi vi phạm, nên cần trả lại cho bị cáo.

+ Buộc Nguyễn Đình S phải nộp lại 12.500.000 đồng tiền do phạm tội mà có (bán ma túy) để sung công quỹ nhà nước.

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đình S để đảm bảo thi hành các khoản nghĩa vụ của bị cáo.

Số vật chứng còn lại bị thu giữ là những vật chứng không sử dụng được và không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu huỷ là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; các bị cáo Ngô Minh T1 và Lê Ngọc V phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm s, t, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình S 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (08/4/2023).

+ Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Minh T1 13 (mười ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 06/4/2023).

+ Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; các điểm s khoản 1Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Ngọc V3 (mười ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 20 (tháng tù) về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" tại bản án số 11/2023/HS-ST ngày 11/8/2023 của Toà án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 14 (mười bốn) năm, 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2023.

3. Về biện pháp Tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tuyết tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) phong bì thư dán kín, trên ghi nôi dung "344/KL-KTHS" niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt; 01 (một) phong bì thư dán kín, trên ghi nội dung "346/KL-KTHS", niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh Q, ngoài cùng dán băng dính trong suốt; 01 (một) thùng giấy cát tông được dán kín các mép bằng giấy trắng, trên ghi chữ "T2", niêm phong bằng chữ ký của những người tham gia niêm phong và hình dấu của Phòng Cảnh sát ĐTTP về ma tuý Công an tỉnh Q.

+ Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1: 861239051601443; IMEI 2: 861239051601450, máy đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1: 861312052272405; IMEI2: 861312052272413, máy đã qua sử dụng; 01(một) máy điện thoại di động hiệu NOKIA, có số Seri1: 350391250912416, Seri2: 350391252912414, máy đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Nguyễn Đình S 01 (một) máy điện thoại di động hiệu Masstel, có số IMEI1: 355633047369383; IMEI2: 355633048369390, đã qua sử dụng, cho bị cáo Nguyễn Đình S; trả lại cho Ngô Minh T1 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXICTER, màu xanh, mang biển kiểm soát 74L1-136.76 đã qua sử dụng.

Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2024 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q và Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đình S phải nộp lại 12.500.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đình S để đảm bảo thi hành các khoản nghĩa vụ của bị cáo, số tiền trên hiện đang tạm giữ tại tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, số tài khoản: 3949.0.1054377.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đình S, Ngô Minh T1, Lê Ngọc V phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa tống đạt.

Nơi nhận:
- Theo khoản 1 Điều 262 BLTTHS;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB:
- Vụ GĐKT 1 TAND TC (khi án sơ thẩm có HL);
- Phòng HSNV CAQB (PV06);
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn, VP TAQB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Từ Thị Hải Dương